

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2024/HS-ST

Ngày: 17 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Kèn

Bà Lê Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Trung và ông Trần Anh L - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 309/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2024/QĐXXST-HS ngày 02/12/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Văn T** (tên gọi khác: không); sinh ngày 20 tháng 5 năm 1994 tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: tổ F, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở trước khi bị bắt: tổ E, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T1 (đã chết), con bà Dương Thị D; chưa có vợ con; tiền án: ngày 28/12/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: không; nhân thân: ngày 03/8/2021 bị Công an phường B, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc”, bị cáo đã nộp tiền phạt vào 01/9/2021. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/9/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1988; nơi cư trú: tổ A, khu H, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Tạ Thị Như N, sinh năm: 1999; nơi cư trú: tổ F, khu F, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Dương Thị D; sinh năm 1970; nơi cư trú: tổ E, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng (đều vắng mặt)*: anh Tạ Tiến N1; cháu Phạm Ngọc A (người đại diện theo pháp luật là chị Nguyễn Thị L1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 17/9/2024, Dương Văn T đến quán trà sữa “Ngọc A quán” của chị Nguyễn Thị L1 tại tổ A, khu H, phường B để mua nước. Khi đó, chị L1 và con gái là cháu Phạm Ngọc A đang có mặt ở quán, do chị L1 phải đi giao nước cho khác nên đã nhờ cháu Ngọc A pha nước cho T. Trước khi đi, chị L1 để 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13, màu xanh của chị L1 ở trên giá đựng gần cầu thang bộ trong phòng bếp. Cháu Ngọc A đi vào trong bếp pha nước thì T đi vào cùng, lúc này T thấy chiếc điện thoại di động trên gần chỗ T đứng còn cháu Ngọc A đang quay lưng về phía T nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại để bán lấy tiền trả nợ. T lén lút dùng tay phải cầm chiếc điện thoại cho vào túi quần sau đó lấy nước trả tiền và ra về. Sau đó, T đến vị trí đồng rác giữa quán The Oan và K tại tổ A, khu H, phường B tháo ốp điện thoại rồi về phòng trọ. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T đến cửa hàng sửa chữa điện thoại T tại tổ F, khu F, phường G, thành phố H của chị Tạ Thị Như N. Tại đây, T nói quên mất khóa và nhờ anh Tạ Tiến N1 phá khóa chiếc điện thoại của chị L1 rồi bán cho chị N với giá 2.150.000 đồng, số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi giao nước xong, chị L1 về thì phát hiện bị mất chiếc điện thoại nên khoảng 18 giờ cùng ngày chị L1 đến Công an trình báo. Khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày T đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận như nội dung trên. Cơ quan điều tra xác minh tại cửa hàng của chị N, chị N đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Xiaomi trên.

Tại bản Kết luận định giá số 188/KLĐGTS ngày 19/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: Chiếc máy điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, R, bản 256GB, màu xanh trị giá 5.923.000 đ (năm triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Người bị hại Nguyễn Thị L1 có lời khai xác nhận: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 là của chị L1 mới mua được 02 tháng, chưa lắp sim. Chị L1 có biết T, vì T đã nhiều lần đến quán mua hàng. Sau khi đi giao hàng về, chị L1 được cháu Ngọc A kể lại sự việc bị mất điện thoại. Chị L1 xem lại camera tại phòng khách, thì thấy T có đi vào bếp rồi đi ra, nên chị L1 đến Công an phường B để trình báo sự việc.

Chị Tạ Thị Như N và anh Tạ Tiến N1 có lời khai phù hợp với nội dung vụ án nêu trên, ngoài ra chị N và anh N1 không biết chiếc điện thoại mà T mang đến

để phá mật khẩu, chạy lại phần mềm sau đó bán là tài sản do T trộm cắp mà có. Chị N tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để phục vụ điều tra. Chị N đã nhận lại số tiền 2.150.000 đồng do bà Dương Thị D là mẹ của T trả, nên chị N không có yêu cầu gì khác.

Người làm chứng cháu Phạm Ngọc A có lời khai phù hợp với nội dung vụ án nêu trên, cháu Ngọc A xác nhận: khi người nam thanh niên trả tiền mua trà chanh rồi đi ra khỏi quán, cháu Ngọc A mới phát hiện chiếc điện thoại bị mất.

Tại bản Cáo trạng số: 5603/CT-VKSHL ngày 22/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Dương Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Người bị hại Nguyễn Thị L1 có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: chị đã được Cơ quan Công an thành phố H trả lại chiếc xe điện thoại Xiaomi mà bị cáo Dương Văn T trộm cắp của chị, chị không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại gì thêm. Về phần hình phạt chị đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T.

Bà Dương Thị D mẹ của T, có mặt tại phiên tòa có lời khai xác nhận: Sau khi được cơ quan Công an thông báo, bà D mới biết việc T lấy trộm điện thoại của chị L1, bà D tự nguyện trả số tiền 2.150.000 đồng cho chị N, bà không yêu cầu gì với bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 5 Điều 65; Điều 55. 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt **18 (mười tám) tháng** tù về tội “Cố ý gây thương tích” của Bản án số 313/2023/HSST ngày 28/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 30 (ba mươi) đến 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/9/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Xét lời khai của bị Cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, dữ liệu trích xuất từ camera và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ ngày 17/9/2024, tại tổ A, khu H, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Dương Văn T đã có hành vi lợi dụng sơ hở, trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13, bản 256GB, màu xanh trị giá 5.923.000 đ (Năm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) của chị Nguyễn Thị L1.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[3] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Hơn nữa bị cáo có đầy đủ nhận thức về pháp luật, nhưng lợi dụng sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản phục vụ cho nhu cầu cá nhân của mình, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: ngày 28/12/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo phạm tội mới khi chưa được xóa án

tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo cũng tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo Dương Văn T có tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân, đang trong thời gian thử thách lại tiếp tục phạm tội mới nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Về tổng hợp hình phạt: bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách khi đang chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo. Nên căn cứ quy định tại khoản 5, Điều 65 Bộ luật Hình sự, bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án số 313/2023/HSST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long và hình phạt của bản án này theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự, bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai bản án.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản, không có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: bị cáo có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo **Dương Văn T** 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp với hình phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” của Bản án số 313/2023/HSST ngày 28/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/9/2024.

Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

bị cáo Dương Văn T có nghĩa vụ nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- VKSND TP Hạ Long;
- CQĐT - Công an TP Hạ Long;
- Cơ quan THAHS - CA TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- Trại tạm giam Công an T. Quảng Ninh;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thủy